TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 872/2022/HS-PT
Ngày: 16/12/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 843/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 do có kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 197/2022/HS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân dân thành phố H.

Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Văn T, sinh năm 1991, giới tính: Nam; nơi ĐKNKT và nơi ở: Thôn V, xã H1, huyện M, thành phố H; nghề nghiệp: Luật sư; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Vũ Văn V1; họ tên mẹ: Nguyễn Thị T1; họ tên vợ: Cao Thị Mai H2; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T: Luật sư Vũ T2 - Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tăt như sau:

Từ năm 2020, Hoàng Việt T3 biết một số người nước ngoài có nhu cầu ở lại Việt Nam nhưng chưa có công ty đứng ra bảo lãnh, nên đã mua lại các công ty để đứng tên làm giám đốc, hoặc nhờ người đứng tên làm giám đốc. Sau đó, Hoàng Việt T3 sử dụng danh nghĩa các công ty này làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú cho người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép để hưởng lợi bất chính. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Sử dụng Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại M1 để bảo lãnh xin cấp thè tạm trú cho S:

S, sinh ngày 06/01/1990, Quốc tịch: S1, Hộ chiếu số: A02297971 nhiều lần xuất nhập cảnh vào Việt Nam và được gia hạn tạm trú để du lịch, lần nhập cảnh gần nhất ngày 08/02/2020 qua cửa khẩu M2, T4. Do có nhu cầu muốn ở lại Việt Nam làm việc, tháng 11/2020 S tự tìm kiếm trên mạng Internet và biết số điện thoại 0388063333, zalo của Nguyễn Tuyết N - Giám đốc công ty cổ phần hợp tác quốc tế G. Sau đó, S liên hệ qua zalo với Nguyễn Tuyết N thuê làm thủ tục ở lại Việt Nam và được Nguyễn Tuyết N đồng ý, thỏa thuận chi phí xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú là 1.650USD.

Sau khi thỏa thuận với S, Nguyễn Tuyết N lên mạng Internet tìm kiếm dịch vụ xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú thì biết số điện thoại 0979181713 của Hoàng Việt T3. Nguyễn Tuyết N liên hệ thỏa thuận với Hoàng Việt T3 chi phí xin giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho S là 1.550USD. Ngày 22/02/2021, Nguyễn Tuyết N sử dụng tư cách pháp nhân Công ty cổ phần hợp tác quốc te G ký Hợp đồng dịch vụ số 01/HĐTV-GG/2021 với S, theo đó thỏa thuận toàn bộ chi phí làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho anh S là 38.445.000 đồng (tương đương 1.650USD). Sau khi ký hợp đồng, S đã chuyển khoản vào tài khoản số 21310000751877 của Nguyễn Tuyết N mở tại ngân hàng BIDV số tiền 26.912.000 đồng (tương đương 70% giá trị hợp đông), Nguyễn Tuyết N đã gửi qua zalo cho Hoàng Việt T3 bản chụp hộ chiếu của S và chuyền khoản số tiền 25.280.000 đồng vào tài khoản 19036476953011 của Hoàng Việt T3 mở tại ngân hàng Techcombank. Hoàng Việt T3 sau đó sử dụng pháp nhân Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại M1 để làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động cho S với vị

trí "Kỹ thuật viên vận hành hệ thống điện" và được Sở Lao động - Thương binh và xã hội thành phố H cấp Giấy phép lao động số 116305/SLĐ-GP ngày 26/3/2021. Đầu tháng 4/2021, Nguyễn Tuyết N dẫn S đến gặp Hoàng Việt T3 tại một quán cà phê trên đường N1, quận Đ, thành phố H để lấy giấy phép lao động. Sau đó, Hoàng Việt T3 làm thủ tục xin cấp thẻ tạm trú cho S tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an và được cấp thẻ tạm trú số AA149303, ký hiệu: LĐ2 và trực tiếp nhận từ S số tiền còn lại 11.533.500 đồng theo thỏa thuận đã ký với Nguyễn Tuyết N trước đó.

Ngày 22/4/2021, Hoàng Việt T3 chuyển khoản cho Nguyễn Tuyết N 1.000.000 đồng sau khi hoàn thành việc xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho S.

Sau khi xin cấp thẻ tạm trú cho S ở lại Việt Nam trái phép, Hoàng Việt T3 được hưởng lợi 6.000.000 đồng, Nguyễn Tuyết N được hưởng lợi 2.632.000 đồng. Nguyễn Tuyết N đã tự nguyện giao nộp Cơ quan điều tra số tiền 2.632.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Lần thứ hai: Sử dụng Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh thương mại N2 để bảo lãnh cho 02 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép:

Vũ Văn T là người tư vấn thành lập Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh thương mại N2 theo đề nghị của anh Trần Anh P, sinh năm 1986 trú tại thôn T5, xã M3, huyện Đ1, thành phố H (Tổng giám đốc công ty). Do Công ty N2 không có hoạt động kinh doanh nên Trần Anh P nhờ Vũ Văn T quản lý hồ sơ pháp nhân, dấu tròn của công ty để phục vụ kê khai thuế và sau này làm thủ tục giải thể. Tháng 12/2020, Hoàng Việt T3 liên hệ với Vũ Văn T hỏi mua lại các công ty không có hoạt động và được Vũ Văn T giới thiệu, thỏa thuận chuyển nhượng Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh thương mại N2 với giá 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, do Công ty N2 còn chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đang trong quá trình làm thủ tục chấm dứt hoạt động nên Vũ Văn T chưa chuyển nhượng Công ty N2 cho Hoàng Việt T3, hẹn sau khi làm xong thủ tục chấm dứt hoạt động thì chuyển nhượng.

Khoảng tháng 11/2020, Cấn Văn T6 được Nguyễn Thị M4 sử dụng số điện thoại 0965083288, tên zalo lưu trên điện thoại của Tiến là "K Mai Simjinsub" nhờ tìm công ty để làm hồ sơ xin cấp giấy phép lao động, thẻ

tạm trú cho 02 người Hàn Quốc là L, sinh năm 1966 và K, sinh năm 1992. Cấn Văn T6 thỏa thuận với Nguyễn Thị M4 toàn bộ chi phí xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc là 2.400USD, yêu cầu Nguyễn Thị M4 chuyển khoản trước 300USD đặt cọc. Ngày 13/11/2020, Nguyễn Thị M4 chuyển khoản số tiền 07 triệu đồng từ tài khoản số 0731000643162 của Nguyễn Thị M4 vào tài khoản 0011003159494 của Cấn Văn T6 mở tại ngân hàng Vietcombank. Sau khi nhận được tiền đặt cọc từ Nguyễn Thị M4, Cấn Văn T6 giao cho Nguyễn Phương T7 tìm công ty ký bảo lãnh khống cho 02 người Hàn Quôc trên đê làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú. Tháng 12/2020, Nguyễn Phương T7 tìm kiếm trên mạng Internet và liên hệ với Hoàng Việt T3 qua số điện thoại 0979181713, zalo "Hoang Trung", thỏa thuận tìm công ty ký bảo lãnh khống để làm thủ tục cho 02 người Hàn Quốc ở lại Việt Nam, Hoàng Việt T3 đồng ý. Nguyễn Phương T7 và Hoàng Việt T3 thỏa thuận chi phí xác nhận khống là 23.270.000 đồng, đặt cọc trước 11.635.000 đồng.

Sau khi thoả thuận với Nguyễn Phương T7, Hoàng Việt T3 đề nghị Vũ Văn T sử dụng pháp nhân Công ty N2 xác nhận vào một số tài liệu để làm thủ tục bảo lãnh cho 02 người Hàn Quốc là L và K xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú ở lại Việt Nam, Vũ Văn T đồng ý. Hồ sơ bảo lãnh cho 02 người Hàn Quốc được Nguyễn Phương T7 soạn thảo, chuyển qua zalo "Hoang Trung" cho Hoàng Việt T3. Sau đó, Hoàng Việt T3 chuyển qua zalo, gồm văn bản xin chấp thuận sử dụng lao động, hồ sơ xin cấp giấy phép lao động, hồ sơ gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xin cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài cho Vũ Văn T. Vũ Văn T đã giả mạo chữ ký của Trần Anh P -Tổng Giám đốc Công ty N2 vào các tài liệu trên. Việc Vũ Văn T giả mạo chữ ký anh Trần Anh P thì Hoàng Việt T3 không biết, không được Vũ Văn T thông báo.

Sau khi ký, đóng dấu Công ty N2 vào các tài liệu nêu trên, Vũ Văn T chuyển các tài liệu qua dịch vụ Grab cho Hoàng Việt T3 để chuyển lại cho Nguyễn Phương T7 đi nộp hồ sơ xin cấp giấy phép lao động tại Sở lao động thương binh và xã hội thành phô H và Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an.

Tháng 12/2020, Sở Lao động thương binh và xã hội thành phố H cấp giấy phép lao động và Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cấp thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc, Cấn Văn T6 thông báo cho Nguyễn

Thị M4 biết đã hoàn thành việc cấp các giấy tờ trên và yêu cầu chuyển khoản trả tiền làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc theo thỏa thuận trước đó. Ngày 15/01/2021, Cấn Văn T6 nhận được qua chuyển khoản số tiền 54.765.000 đồng (kết quả điều tra xác định Ngô Thị H3 là người được Nguyễn Thị M4 cho thông tin tài khoản của Cấn Văn T6 để chuyển số tiền nêu trên). Sau đó, Cấn Văn T6 giao cho Nguyễn Phương T7 chuyển phát nhanh các giấy tờ trên cho Nguyễn Thị M4 về địa chỉ nơi Nguyễn Thị M4 làm việc tại tổ dân phố H4 1, thị trấn N3, huyện V2, tỉnh B.

Với mỗi hồ sơ xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc ờ lại Việt Nam trái phép, Cấn Văn T6 được hường lợi 5.000.000 đồng/ người, tổng số tiền Cấn Văn T6 được hưởng 10.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra. Cấn Văn T6 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính.

Lý do Vũ Văn T đồng ý ký giúp Hoàng Việt T3 các tài liệu để xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc vì nể nang là bạn cùng học đại học, đã thực hiện chuyển nhượng một số công ty trước đó và cùng làm về một số dịch vụ pháp lý với Hoàng Việt T3, đồng thời đã có thỏa thuận bán Công ty N2 cho Hoàng Việt T3 nên Vũ Văn T vẫn giả mạo chữ ký của Trần Anh P và đóng dấu Công ty N2 vào các tài liệu được Hoàng Việt T3 chuyển đến.

Nguyễn Thị M4 khai: quá trình làm việc tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất H5 do Ngô Văn L1, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ dân phố H4, thị trấn N3, huyện V2, tinh B (anh họ Nguyễn Thị M4) làm giám đốc, Nguyễn Thị M4 quen biết 01 người Hàn Quốc tên S2 (hiện nay không có thông tin, địa chỉ, không nhớ số điện thoại) là đối tác cùa Công ty H5, từ năm 2019 S2 giới thiệu và cho Nguyễn Thị M4 số điện thoại của Cấn Văn T6 để liên hệ hỏi thủ tục giấy tờ liên quan đến người nước ngoài. Khoảng tháng 10/2020, S2 nhờ Nguyễn Thị M4 làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc là L và K. Nguyễn Thị M4 không biết mối quan hệ giữa S2 với 02 người Hàn Quốc nêu trên, nhưng do nể nang S2 là đối tác của Công ty H5 nên đã đồng ý nhận lời giúp. Sau đó, Nguyễn Thị M4 liên hệ với Cấn Văn T6 qua zalo "Canvantien" thỏa thuận

xin cấp giấy phép lao động, thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc như đã nêu trên. Nguyễn Thị M4 không được hưởng lợi gì từ việc này.

Sau khi nhận được giấy phép lao động, thẻ tạm trú của 02 người Hàn Quốc, Nguyễn Thị M4 chuyển các giấy tờ này cho S2 và không biết S2 sử dụng các giấy tờ này như thế nào. Đối với số tiền còn lại, sau khi hoàn thành việc xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc, Nguyễn Thị M4 yêu cầu S2 thanh toán tiền để trả cho Cấn Văn T6. S2 đã nhờ Ngô Thị H3, sinh năm 1984, nơi cư trú: tổ dân phố H4, thị trấn N3, huyện V2, tỉnh B (chị họ Nguyễn Thị M4) ứng trước tiền công nợ giữa Sin Jin Sub và Công ty H5 để chuyển khoản cho Cấn Văn T6 số tiền nêu trên. Ngày 15/01/2021, Ngô Thị H3 sử dụng tài khoản cá nhân số 43110000693243 mở tại Ngân hàng BIDV chuyển khoản số tiền 54.765.000 đồng cho Cấn Văn T6.

Ngô Thị H3 khai không biết việc Nguyễn Thị M4 được S2 nhờ làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc ở lại Việt Nam và không được hường lợi gì. Về số tiền 54.765.000 đồng chuyển từ tài khoản của Ngô Thị H3 cho Cấn Văn T6, Ngô Thị H3 khai nhận chuyển số tiền này theo đề nghị của Nguyễn Thị M4, sau đó Ngô Thị H3 đã nhận lại số tiền nêu trên từ người nước ngoài tên S2, không có giấy tờ biên nhận, về thông tin của người nước ngoài tên S2, Ngô Thị H3 chỉ biết tên, không biết thông tin gì khác.

Ngô Văn L1 khai quen biết 01 người Hàn Quốc tên S2 từ khoảng năm 2019 vì là đối tác làm ăn của Công ty TNHH thương mại và sản xuất H5, do Ngô Văn L1 làm Giám đốc. Hiện không biết S2 làm việc và sinh sống ở đâu. Ngô Văn L1 khẳng định không biết và không tham gia gì vào việc Nguyễn Thị M4 làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho 02 người Hàn Quốc.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- Thu của Hoàng Việt T3:

+ 01 dấu tròn đề tên Công ty TNHH KB G1

+ 01 dấu tròn đề tên Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại N4.

+ 01 dấu tròn đề tên Công ty TNHH xuất nhập khẩu và thương mại

M1.

+ 01 dấu tròn đề tên Công ty TNHH tư vấn đầu tư khoáng sản S3.

+ 05 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và 01 giấy phép lao động

- Thu của Nguyễn Tuyết N: số tiền 2.632.000 đồng.

- Thu của Vũ Văn T: 01 con dấu liền mực hình tròn ghi thông tin Công ty cổ phần sàn xuất và kinh doanh thương mại N2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu ghi, đã qua sử dụng.

- Thu của Cấn Văn T6: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, màu đen, đã qua sử dụng, số tiền 10.000.000 đồng.

- Thu của Nguyễn Phương T7: 01 điện thoại nhãn hiệu Sony, màu hồng, đã qua sử dụng.

- Thu của Nguyễn Thị M4: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS, kiểu máy X550L, màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sừ dụng.

- Thu của 02 người nước ngoài (S và KIM JEAHYE): 02 thẻ tạm trú.

Đối với người Hàn Quốc tên S2, do không có thông tin cụ thể (ngày tháng năm sinh, số hộ chiếu, nơi cư trú...) nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với Ngô Thị H3 và Ngô Văn L1, ngoài lời khai của Nguyễn Thị M4 hiện không có tài liệu nào chứng minh Ngô Thị H3 và Ngô Văn L1 đồng phạm với Nguyễn Thị M4 về tội tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Quá trình điều tra, Hoàng Việt T3 khai nhận còn sử dụng pháp nhân của 02 công ty khác do Vũ Văn T làm thủ tục chuyển nhượng là Công ty TNHH KB G1, Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại N4 để bảo lãnh cho 03 người nước ngoài khác ở lại Việt Nam. Tuy nhiên, Hoàng Việt T3 không có thông tin cụ thể của 03 người nước ngoài nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xác minh, làm việc với 03 người nước ngoài để làm rõ có hay không việc tổ chức cho 03 người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trích rút các tài liệu có liên quan đến 03 người nước ngoài do Hoàng Việt T3 khai nhận sử dụng Công

ty TNHH KB G1, Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại N4 bảo lãnh để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 197/2022/HSST ngày 22/6/2022, Tòa án nhân dân dân thành phố H đã áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Văn T 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép". Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2022, bị cáo Vũ Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Vũ Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, tại phiên tòa bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2020/0065752 ngày 12/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H, bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; Giấy Liệt sỹ của ông Nguyễn Phúc B1 (là cụ ngoại của vợ bị cáo); gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố đẻ bị cáo thường xuyên phải điều trị bệnh tim tại Bệnh viện Tim H; mẹ vợ bị cáo đang điều trị bệnh ung thư tuyến giáp; bố vợ bị cáo bị bệnh thận thường xuyên phải điều trị tại Bệnh viện Đại học Y H; vợ bị cáo không có việc làm ổn định; bản thân bị cáo có nhiều hoạt động tích cực thực hiện chống covid tại địa phương và chấp hành tốt các chính sách pháp luật của nhà nước và địa phương; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú, mong muốn Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm, có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Văn T về tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, kháng cáo của bị cáo theo luật định, thấy rằng: Căn cứ kết quả xét xử công khai tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn

khai báo ăn năn hối cải, phạm tội nhưng không được hưởng lợi; vai trò giúp sức thứ yếu; bị cáo có nhân thân tốt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm; cung cấp thêm tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo trình bày gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, con bị cáo còn nhỏ, vợ bị cáo không có việc làm ổn định; bố mẹ đẻ và bố mẹ vợ bị cáo đều ốm đau, bệnh tật cần người chăm sóc, nuôi dưỡng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo.

Luật sư Vũ T2 bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo Vũ Văn T trước khi phạm tội có nhân thân tốt, là đảng viên; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo không có việc làm ổn định; mẹ vợ bị cáo bị ung thư đang phải điều trị, bố vợ và bố mẹ bị cáo thường xuyên ốm đau; vợ bị cáo có đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân về hoàn cảnh gia đình bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên toà bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án, phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong năm 2021, vì vụ lợi Hoàng Việt T3, Nguyễn Thị Tuyết N5, Vũ Văn T, Cấn Văn T6, Nguyễn Phương T7 và Nguyễn Thị M4 có hành vi sử dụng các công ty để bảo lãnh làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động

và thẻ tạm trú cho người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép cụ thể: Nguyễn Thị M4 quen biết và được một nước ngoài, quốc tịch Hàn Quốc tên là S2 (chưa xác định được nhân thân) nhờ làm thủ tục xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho 02 người nước quốc tịch Hàn Quốc là L và K ở lại Việt Nam trái phép. Nguyễn Thị M4 đã liên hệ với Cấn Văn T6 để thỏa thuận tìm công ty bảo lãnh xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho L và K với chi phí là 2.400.000 USD. Sau đó, Cấn Văn T6 và Nguyễn Phương T7 đã liên hệ với Hoàng Việt T3 và Vũ Văn T sử dụng Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh thương mại N2 để bảo lãnh xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú cho L và K ở lại Việt Nam trái phép. Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án Vũ Văn T về tội " Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép" theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Vũ Văn T, thấy rằng:

Xét vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn T cùng đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động quản lý người nhập cảnh, lưu trú tại Việt Nam của Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để xử phạt bị cáo 15 tháng tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo phạm tội do nể nang bạn bè nên khi được Hoàng Việt T3 nhờ làm thủ tục cho người nước ngoài nhập cảnh trái phép, bị cáo đã sử dụng pháp nhân Công ty N2 xác nhận vào một số tài liệu để làm thủ tục bảo lãnh cho 02 người Hàn Quốc là L và K xin cấp giấy phép lao động và thẻ tạm trú ở lại Việt Nam trái phép nhưng trong quá trình phạm tội, bị cáo không được hưởng lợi, tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm một số tình tiết mới gồm: Biên lai thu tiền số AA/2020/0065752 ngày 12/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H, thể hiện bị cáo đã nộp 200.000 đồng tiền án

phí hình sự sơ thẩm; Giấy Liệt sỹ của ông Nguyễn Phúc B1 (là cụ ngoại của vợ bị cáo) thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố đẻ bị cáo thường xuyên phải điều trị bệnh tim tại Bệnh viện Tim H (có xác nhận của Bệnh viện Tim H); mẹ vợ bị cáo đang điều trị bệnh ung thư tuyến giáp (Có xác nhận của bệnh viện Nội tiết trung ương); bố vợ bị cáo bị bệnh thận thường xuyên phải điều trị tại Bệnh viện Đại học Y H (có xác nhận của Bệnh viện Đại học Y H); vợ bị cáo không có việc làm ổn định (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H1, huyện M, thành phố H); bản thân bị cáo có nhiều hoạt động tích cực thực hiện chống covid tại địa phương (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H1, huyện M) và chấp hành tốt các chính sách pháp luật của nhà nước và địa phương; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thái độ khai báo, chấp hành pháp luật, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nơi cư trú rõ ràng của bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có đủ căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát, giáo dục chính quyền địa phương, cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vũ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T; Sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 197/2022/HSST ngày 22/6/2022 của

Tòa án nhân dân dân thành phố H về phần hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn T như sau:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép".

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Văn T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện M, thành phố H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Vũ Văn T không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- UBND xã H1, huyện M, thành phố H;
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lệ